

Phụ lục III
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (PAR INDEX CẤP TỈNH)
VỀ CẢI CÁCH THỂ CHẾ
(Kèm theo Công văn số /STP-VBQPPL ngày / /2024
của Sở Tư pháp Hưng Yên)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình kết quả tự đánh giá và tài liệu kiểm chứng
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	6.00	6.00	
2.1	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	3.00	3.00	
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	2.00		
	<i>Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: 1</i>			
	<i>Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật: 1</i>			
2.1.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1.00		
	<i>Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 1</i>			
	<i>Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 0</i>			
2.2	Rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)	1.50	1.50	
2.2.1	Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	0.50		
	<i>Kịp thời, đúng quy định: 0.5</i> <i>Không kịp thời hoặc không đúng quy định: 0</i>			
2.2.2	Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL sau rà soát	1.00		
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \cdot \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số văn bản cần phải xử lý. b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý. Trường hợp $a = 0$ thì đạt điểm tối đa.</i>			
2.3	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị	1.50	1.50	
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \cdot \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số văn bản cần phải xử lý. b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý. Trường hợp $a = 0$ thì đạt điểm tối đa.</i>			
	TỔNG ĐIỂM	6.00	6.00	